

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ
Công nghiệp số 140/2004/
QĐ-BCN ngày 22/11/2004 về việc
chuyển Công ty Sản xuất thiết
bị điện thành Công ty cổ phần
Chế tạo thiết bị điện.**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

*Căn cứ Nghị định số 55/2003/NĐ-CP
ngày 28 tháng 5 năm 2003 của Chính
phủ quy định chức năng, nhiệm vụ,
quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công
nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 64/2002/NĐ-CP
ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính
phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà
nước thành công ty cổ phần;*

*Xét đề nghị của Tổng công ty Điện lực
Việt Nam (các Công văn số 404/CV-EVN-
HĐQT ngày 10 tháng 11 năm 2004 và số
5818/CV-EVN-CPH&CK ngày 19 tháng
11 năm 2004), Phương án cổ phần hóa
Công ty Sản xuất thiết bị điện và Biên
bản thẩm định Phương án của Ban Đổi
mới và Phát triển doanh nghiệp Bộ ngày
17 tháng 11 năm 2004;*

*Theo đề nghị của Ban Đổi mới và Phát
triển doanh nghiệp và Vụ trưởng Vụ Tổ
chức - Cán bộ,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án cổ phần

hóa Công ty Sản xuất thiết bị điện
(doanh nghiệp thành viên hạch toán độc
lập của Tổng công ty Điện lực Việt Nam)
gồm những điểm chính như sau:

1. Cơ cấu vốn điều lệ:

Vốn điều lệ của Công ty cổ phần là
50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng
chẵn). Trong đó:

- Tỷ lệ cổ phần của Nhà nước: 51,00%;
- Tỷ lệ cổ phần bán cho người lao động
trong Công ty: 45,29%;
- Tỷ lệ cổ phần bán ra ngoài Công ty: 3,71%.

Trị giá một cổ phần: 100.000 đồng.

**2. Giá trị thực tế của Công ty Sản xuất
thiết bị điện tại thời điểm ngày 31 tháng
12 năm 2003 để cổ phần hóa (Quyết định số
2106/QĐ-TCKT ngày 13 tháng 8 năm 2004
của Bộ Công nghiệp) là 333.898.151.223
đồng. Trong đó, giá trị thực tế phần vốn Nhà
nước tại Công ty là 81.986.068.279 đồng.**

**3. Ưu đãi cho người lao động trong
Công ty.**

Tổng số cổ phần bán ưu đãi cho 986 lao
động trong Công ty là 183.200 cổ phần
với giá trị được ưu đãi là 5.496.000.000
đồng. Trong đó, bán ưu đãi trả chậm cho
70 lao động nghèo là 15.075 cổ phần, trị
giá 1.055.250.000 đồng.

**4. Về chi phí cổ phần hóa, đào tạo lại
lao động và giải quyết lao động dôi dư,
Công ty làm thủ tục, báo cáo Tổng công
ty Điện lực Việt Nam và các cơ quan nhà**

nước có thẩm quyền phê duyệt theo các quy định hiện hành.

Điều 2. Chuyển Công ty Sản xuất thiết bị điện thành Công ty cổ phần Chế tạo thiết bị điện,

- Tên giao dịch quốc tế: ELECTRICAL EQUIPMENT MANUFACTURING JOINT STOCK COMPANY;

- Tên viết tắt: EEMC;

- Trụ sở chính: Khối 3A, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội.

Điều 3. Công ty cổ phần kinh doanh các ngành nghề:

- Sản xuất máy biến áp, dây điện, vật tư, vật liệu kỹ thuật điện và các sản phẩm thiết bị điện, máy móc kỹ thuật dùng trong công nghiệp và dân dụng; sản xuất cột điện đến 500 kV;

- Chế tạo phụ tùng, phụ kiện bằng kim loại phục vụ sản xuất, sửa chữa cơ khí, thiết bị năng lượng và xây dựng;

- Tư vấn, thiết kế các công trình công nghiệp, dân dụng và các sản phẩm công nghiệp; xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng;

- Xây lắp đường dây và trạm điện đến 500 kV; lắp đặt, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, sửa chữa trung đại tu, cải tạo các loại thiết bị điện đến 500 kV, các thiết bị cơ nhiệt, cơ thủy lực đến 250 ata;

- Thí nghiệm điện, chế tạo, cung cấp thiết bị và tư vấn xây dựng các phòng thí nghiệm điện cao áp;

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật tư, thiết bị, hàng hóa công nghiệp và dân dụng;

- Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng; cho thuê nhà xưởng, kho bãi;

- Kinh doanh bất động sản, điện năng; kinh doanh các loại vật tư, thiết bị thứ liệu, phế liệu; kinh doanh dịch vụ vận tải, ăn uống, khách sạn, vui chơi giải trí, thể dục thể thao;

- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 4. Công ty cổ phần Chế tạo thiết bị điện là pháp nhân theo pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp đăng ký kinh doanh; được sử dụng con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật; tổ chức, hoạt động theo Điều lệ của Công ty cổ phần và Luật Doanh nghiệp.

Điều 5. Tổng công ty Điện lực Việt Nam có trách nhiệm chỉ đạo Công ty Sản xuất thiết bị điện tổ chức bán cổ phần và tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu Công ty cổ phần theo đúng quy định hiện hành.

Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty Sản xuất thiết bị điện có trách nhiệm điều hành công việc của Công ty cho đến khi bàn giao toàn bộ vốn, tài sản, lao động, đất đai cho Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty cổ phần.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng thuộc Bộ, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Việt Nam, Giám đốc Công ty Sản xuất thiết bị điện và Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty cổ phần Chế tạo thiết bị điện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

Thủ trưởng

Nguyễn Xuân Thúy

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp số 141/2004/QĐ-BCN ngày 22/11/2004 về việc chuyển Công ty Dệt lụa Nam Định thành Công ty cổ phần Dệt lụa Nam Định.

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 55/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần;

Xét đề nghị của Tổng công ty Dệt - May Việt Nam (Tờ trình số 2014/TTr-HĐQT ngày 08 tháng 11 năm 2004), Phương án cổ phần hóa Công ty Dệt lụa Nam Định và Biên bản thẩm định Phương án của Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Bộ ngày 09 tháng 11 năm 2004;

Theo đề nghị của Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp và Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty Dệt lụa Nam Định (doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty Dệt - May Việt Nam) gồm những điểm chính như sau:

1. Cơ cấu vốn điều lệ:

Vốn điều lệ của Công ty cổ phần là 23.000.000.000 đồng (Hai mươi ba tỷ đồng chẵn). Trong đó:

- Tỷ lệ cổ phần của Nhà nước: 51,00%;
- Tỷ lệ cổ phần bán cho người lao động trong Công ty: 39,09%;
- Tỷ lệ cổ phần bán ra ngoài Công ty: 9,91%.

Trị giá một cổ phần: 100.000 đồng.

2. Giá trị thực tế của Công ty Dệt lụa Nam Định tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2003 để cổ phần hóa (Quyết định số 2744/QĐ-TCKT ngày 19 tháng 10 năm 2004 của Bộ Công nghiệp) là 114.017.394.198